TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2026
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Mai Linh
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thắng
Ông Nguyễn Tuấn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09/6/2026 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1991
Địa chỉ: Khu 3 Ấm Hạ, xã Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
Nay là: Thôn 10, xã Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ;

- Bị đơn: Anh Bùi Tiến T1, sinh năm 1985
Địa chỉ: Khu 3 Ấm Hạ, xã Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ
Nay là: Thôn 10, xã Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T1 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện của mình như sau:

Chị và anh Bùi Tiến T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2010 tại UBND xã Ấ, nay là xã H, tỉnh Phú Thọ. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại địa phương. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân 08 năm nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh Bùi Tiến T1 có 01 con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011. Hiện cháu đang ở với anh T1. Quan điểm của chị là tôn trọng nguyện vọng của cháu Tuấn A, nếu cháu muốn tiếp tục ở với anh T1 thì chị cũng nhất

trí. Nếu cháu muốn ở với chị thì chị sẽ nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Bùi Tiến T1 trình bày:

Anh xác định về thời gian, nơi đăng ký kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị Trần Thị T như chị T trình bày với Toà án là chính xác. Anh và chị T đã sống ly thân rất nhiều năm nay, không còn chung sống cùng nhau. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xích mích. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị T có 01 con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011. Hiện cháu đang ở với anh. Sau ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuấn A và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh T1 không đề nghị tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của các con chung: Con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011 có nguyện vọng xin ở với bố là anh Bùi Tiến T1.

4. Quá trình làm việc và xác minh tại chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân như chị T và anh T1 trình bày là đúng. Anh chị hiện đã sống ly thân rất nhiều năm nay, không còn quan tâm yêu thương nhau. Nay chị T xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung, quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại điện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Tiến T1.

- Về con chung: Giao cho anh Bùi Tiến T1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và công sức đóng góp: Không giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự:

Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và nơi cư trú của bị đơn anh Bùi Tiến T1 là tại xã H, tỉnh Phú Thọ nên Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Bùi Tiến T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Tiến T1 đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2010 tại UBND xã Ấ, nay là xã H, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của chị T, anh T1, xác minh tại nơi cư trú và các chứng cứ thu thập được cho thấy trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân rất nhiều năm nay, không còn chung sống cùng nhau. Hiện nay hai bên không còn đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, xác định không còn tình cảm nên anh chị đều thuận tình ly hôn, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Tiến T1 có 01 con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011, hiện con chung đang ở với anh T1. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T1 có chỗ ở, thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng ly thân, con chung được trực tiếp anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo sinh hoạt, ăn học đầy đủ. Nguyện vọng của con chung muốn được ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, tránh xáo trộn cuộc sống ổn định của cháu, cần giao cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T1 không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Chị Trần Thị T và anh Bùi Tiến T1 không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị T nhận chịu toàn bộ án án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Bùi Tiến T1.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Tiến T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Trần Tuấn A, sinh ngày 15/3/2011. Chị Trần Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T1. Chị Trần Thị T có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0005363 ngày 05/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Tiến T1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND xã Hạ Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Mai Linh